TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - T do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2020/HS-ST
Ngày: 07/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoa Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Lê Văn Mạnh; Bà Y Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Anh Phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/HSST - QĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang H (tên gọi khác: Bờm), sinh năm 1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký NKTT: Xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2020 đến nay - Có mặt. Tiền án, tiền sự: Không.

2. Hứa Văn T (tên gọi khác: Cồ), sinh năm 1996 tại Lạng Sơn; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 3, xã K, Huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Hứa Văn L và bà Trần Thị T. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/9/2020 cho đến nay - Có mặt. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự số 215/2019/HSST ngày 19/8/2029 bị Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt Hứa Văn T 15 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Người bị hại:

- Phạm Văn T, sinh năm 1970 – Có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, Huyện Đ, tỉnh Kon Tum;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị T, địa chỉ: Thôn 3, xã K, Huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Phan Thanh M và chị Nguyễn Thị Minh T, cùng trú tại: Số nhà 53, Trần Văn Hai, phường T , Kon Tum (Vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Quốc Trường - Trú tại: Số nhà 175, phường TS, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn Duẩn – Trú tại: Xã TM, Huyện TM, tỉnh KonTum (Có mặt).

5.Bà Nguyễn Thị H – Trú tại: Thôn HA, xã N, thành phố Q, tỉnh Q. (Có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Trí B - Trú tại: Thôn K1, xã ĐB, thành phố KT, tỉnh KonTum (Vắng mặt);

- Anh Nguyễn Minh Thuận - Trú tại: Số nhà 55, Đinh Công Tráng, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02 tháng 3 năm 2019, Hứa Văn T và Lê Quang H đi uống cà phê thì T có hỏi H "Mày có phi vụ gì làm ăn không" thì H trả lời "Đi tìm cái gì lấy, đi ăn trộm". Sau đó cả hai về tiệm sửa xe của T tại xã V, Hẹn Đ nhậu. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 03 tháng 3 năm 2019, H và T bàn bạc với nhau đi ra thị trấn Đ thấy gì thì lấy trộm cái đó để bán tiêu xài cá nhân. T điều khiển xe mô tô của bà Cao Thị T chở H đi theo hướng từ V đi Đ. Khi đến đoạn thôn 3, xã K thì H thấy xe mô tô BKS: 82T1-1813 của anh Phạm Văn T đang dựng trước sân nhà. Lúc này H bảo T quay xe lại để lấy trộm thì T nói "Đừng lấy, xe gần nhà tao" thì H bảo "Cứ quay lại H vào lấy, còn T đứng ngoài cảnh giới cho H" thì T đồng ý. T quay xe lại, H xuống xe đi vào nhà anh Tân lén lút dắt xe ra ngoài đường và nổ máy cùng T đi về phía xã K. Sau đó T đã đưa xe mô tô mà mình điều khiển bỏ vào sân nhà bà Tính ở thôn 1, xã K rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở H xuống thành phố Kon Tum. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày H và T vào nhà Phan Thanh M, trú phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum và bán cho Minh với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó H cùng T về Đ tiêu xài hết.

Đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 Hứa Văn T đã ra đầu thú thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngày 01 tháng 9 năm 2020 H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 12/3/2019 xác định trị giá chiếc xe trên là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, truy tố bị các cáo Lê Quang H và Hứa Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; ; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo:

Lê Quang H từ 07 đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (01/9/2020).

Hứa Văn T từ 07 đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật , xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đảm bảo thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được: Khoảng 02 giờ sáng ngày 03 tháng 3 năm 2019, H và T bàn bạc với nhau đi ra thị trấn Đ thấy gì thì lấy trộm cái đó để bán tiêu xài cá nhân. T điều khiển xe mô tô chở H đến đoạn thôn 3, xã K thì H xuống xe đi vào nhà anh Tân lén lút dắt xe ra ngoài đường và nổ máy cùng T đi bán. Kết luận định giá chiếc xe có giá trị 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ đã truy tố. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm không có tổ chức. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo H là người hưởng ứng. T lấy xe chở H, H là người trực tiếp vào nhà ông Tân trộm cắp xe, cũng là người trực tiếp tìm nơi tiêu thụ, cả bị cáo H và T là người thực hành nên có vai trò ngang nhau.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật T tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo T có nhân thân xấu, sau khi trộm cắp còn tiếp tục tàng trữ trái phép chất ma túy, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã khắc phục hậu quả; bị cáo T đã ra đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại, các bị cáo đã liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người liên quan anh Minh, chị Thùy vắng mặt nếu có yêu cầu bồi thường dân sự thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Bà Nguyễn Thị H là mẹ của bị cáo H, đã đưa tiền của mình ra bồi thường, tại phiên Tòa, bà Hiền cho bị cáo H toàn bộ số tiền đã bồi thường để bị cáo bồi thường nên bà Hiền được xác định là người liên quan.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe mô tô BKS 82T1- 1813, quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn T .

- Chiếc xe mô tô mà T điều khiển cùng H dùng để đi trộm cắp là tài sản của bà Cao Thị T, bà Tính gửi xe tại tiệm sửa xe của T để sửa chữa và không biết việc Hứa Văn T T ý sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Các vấn đề khác của vụ án: Đối với Phan Thanh M, Nguyễn Thị Minh T là những người đã mua xe mà các bị cáo trộm cắp, tuy nhiên Minh và Thùy không biết nguồn gốc xe là trộm cắp. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Quốc Trường là người đã mua lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp trong vụ án từ Phan Thanh M. Bản thân Trường không biết mình mua xe do trộm cắp mà có. Vì vậy không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quốc Trường là có căn cứ.

` Đối với Nguyễn Trí B là người cho Phan Thanh M mượn chứng minh nhân dân (Minh cho người khác mượn chứng minh nhân dân) để viết giấy tờ mua bán.

Bảo không biết xe mô tô trên do trộm cắp mà có và không có lợi ích trong việc mua bán xe trên nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự với Bảo là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 173; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo **Lê Quang H và bị cáo Hứa Văn T** phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- Xử phạt bị cáo Lê Quang H **08 (Tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (01/9/2020).

- Xử phạt bị cáo Hứa Văn T **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Quang H và Hứa Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (07/12/2020). Riêng người bị hại; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Huyện Đ;
- Chi cục THADS Huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an Huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an Huyện Đ;
- Bộ phận HSNV Công an Huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng; Lưu hồ sơ.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoa Như

HĐXX TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**